

ĐỀ ÔN TẬP KIỂM TRA TỔNG HỢP – SỐ 5

Câu 1. Khi cho Na dư vào dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, FeCl_2 , AlCl_3 thì có hiện tượng xảy ra ở cả 3 cốc là.

- A. có kết tủa
B. có khí thoát ra
C. có kết tủa rồi tan
D. không có hiện tượng gì

Câu 2. Cho các chất sau: $\text{CH}_3\text{-CHOH-CH}_3$ (1), $(\text{CH}_3)_3\text{C-OH}$ (2),
 $(\text{CH}_3)_2\text{CH-CH}_2\text{OH}$ (3), $\text{CH}_3\text{COCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ (4), $\text{CH}_3\text{CHOHCH}_2\text{OH}$ (5).

Chất nào bị oxi hoá bởi CuO tạo ra sản phẩm có phản ứng tráng bạc?

- A. 1,2,3
B. 2,3,4
C. 3,4,5
D. 1,4,5

Câu 3. Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử là $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. X có thể tham gia phản ứng tráng bạc, tác dụng với Na giải phóng H_2 , nhưng không tác dụng với NaOH. Vậy CTCT của X là:

- A. $\text{HO-CH}_2\text{-CHO}$
B. HCOOCH_3
C. CH_3COOH
D. HO-CH=CH-OH

Câu 4: Cho các nhận xét sau:

1. Khi cho anilin vào dung dịch HCl dư thì tạo thành dung dịch đồng nhất trong suốt.
2. Khi sục CO_2 vào dung dịch natriphenolat thì thấy vẩn đục.
3. Khi cho Cu(OH)_2 vào dung dịch glucozơ có chứa NaOH ở nhiệt độ thường thì xuất hiện kết tủa đỏ gạch.
4. Dung dịch HCl, dung dịch NaOH, đều có thể nhận biết anilin và phenol trong các lọ riêng biệt.
5. Để nhận biết glixerol và saccarozơ có thể dùng Cu(OH)_2 trong môi trường kiềm và đun nóng.

Số nhận xét đúng là:

- A. 2.
B. 4.
C. 1.
D. 3.

Câu 5: Cho các chất sau: dd $\text{Fe(NO}_3)_2$, dd HCl, dd KMnO_4 , dd Cl_2 , dd NaBr, dd AgNO_3 . Cho các chất phản ứng với nhau từng đôi một, số trường hợp xảy ra phản ứng là:

- A. 10.
B. 9.
C. 7.
D. 8.

Câu 6: Hợp chất nào sau đây không có liên kết π trong phân tử:

- A. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$ mạch hở.
B. $\text{C}_3\text{H}_{10}\text{NCl}$.
C. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ mạch hở.
D. C_8H_8 chứa nhân thơm.

Câu 7: Cho các thí nghiệm sau:

1. Sục Cl_2 vào dung dịch Ca(OH)_2 .
2. Sục CO_2 vào dung dịch clorua vôi.
3. Sục O_3 vào dung dịch KI.
4. Sục H_2S vào dung dịch FeCl_2 .
5. Cho HI vào dung dịch FeCl_3 .
6. Cho dung dịch H_2SO_4 đặc nóng vào NaBr tinh thể.

Số trường hợp xảy ra phản ứng oxi hóa khử là:

- A. 4.
B. 5.
C. 6.
D. 3.

Câu 8: Có năm dung dịch đựng riêng biệt trong năm ống nghiệm: $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, Na_3PO_4 , $\text{Cr(NO}_3)_3$, K_2CO_3 , $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$. Cho dung dịch Ba(OH)_2 đến dư vào năm dung dịch trên. Sau khi phản ứng kết thúc, số ống nghiệm có kết tủa là

- A. 2
B. 3
C. 4
D. 5

Câu 9: Cho các phát biểu sau:

- (1) Al, Fe bị thụ động trong dung dịch HNO_3 đặc, nóng
- (2) Trong thực tế người ta thường dùng đá khô để dập tắt các đám cháy kim loại Mg

(3) CO thể khử được các oxit kim loại $\text{Al}_2\text{O}_3, \text{FeO}, \text{CuO}$

(4) $\text{Al}(\text{OH})_3$ và $\text{Cr}(\text{OH})_3$ đều là chất lưỡng tính và vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử

(5) Cr_2O_3 , Al_2O_3 tan trong dung dịch NaOH loãng, dư

(6) Độ dinh dưỡng của phân lân được đánh giá bằng hàm lượng của P_2O_5

Số phát biểu đúng là:

A.1

B.2

C.3

D.4

Câu 10: Cho các thí nghiệm sau

(1) Cho AgNO_3 vào dung dịch HF

(2) Sục khí CO_2 vào dung dịch natri aluminat

(3) Sục khí CO_2 dư vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$

(4) Cho dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch AlCl_3

(5) Sục khí NH_3 tới dư vào dung dịch $\text{Cu}(\text{OH})_2$

(6) Cho Mg vào dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ dư

Số thí nghiệm sau khi phản ứng hoàn toàn cho kết tủa là:

A.1

B.2

C.3

D.4

Câu 11: Thực hiện các thí nghiệm sau:

(1) Sục khí clo vào dung dịch NaOH loãng, đun nóng

(2) Sục khí NO_2 vào dung dịch NaOH

(2) Sục khí CO_2 vào dung dịch NaOH

(4) Cho H_3PO_4 vào dung dịch NaOH

(5) Cho Mg vào dung dịch FeCl_3

(6) Cho Fe_3O_4 vào dung dịch H_2SO_4

Số thí nghiệm sau phản ứng luôn cho 2 muối là:

A.2

B.3

C.4

D.5

Câu 12: Cho các chất: Cumen, stiren, vinylaxetilen, propenal, etylfomat, axit fomic. Số chất có khả năng phản ứng cộng với dung dịch nước brom là?

A. 2

B. 4

C. 3

D. 5

Câu 13: Khi nhiệt phân hoàn toàn hỗn hợp NH_4NO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ thì chất rắn thu được sau phản ứng gồm:

A. CuO, FeO, Ag

B. CuO, Fe_2O_3 , Ag

C. CuO, Fe_2O_3 , Ag_2O

D. NH_4NO_2 , CuO, Fe_2O_3 , Ag

Câu 14: Cho dung dịch các chất: glyxerol, axit axetic, glucozo, propan-1,3-diol, andehit axetic, tripeptit. Số chất có khả năng hòa tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở điều kiện thường là

A. 5

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 15: Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ lần lượt vào các dung dịch: CaCl_2 , $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$, NaOH, Na_2CO_3 , KHSO_4 , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, H_2SO_4 , HCl. Số trường hợp có tạo ra kết tủa là:

A. 7.

B. 6.

C. 5.

D. 4.

Câu 16: Cho các dung dịch: $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, $(\text{CH}_3\text{NH}_3)_2\text{SO}_4$, K_2CO_3 , NH_4Cl , CuSO_4 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{HSO}_4$. Số chất khi tác dụng với $\text{Ba}(\text{OH})_2$ ở điều kiện thường vừa tạo kết tủa vừa tạo khí là?

A. 4

B. 2

C. 3

D. 1

Câu 17: Cho các chất sau: Phenol(1), Anilin(2), Toluen(3), Metyl phenyl ete(4), m-nitro phenol(5). Số chất tác dụng với nước Brom là

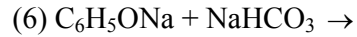
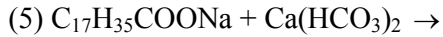
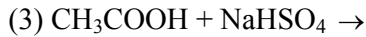
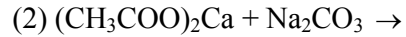
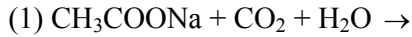
A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 18: Cho các chất sau đây trộn với nhau



Số phản ứng xảy ra là

A. 3

B. 4

C. 6

D. 2

Câu 19: Cho các nhận định sau:

- (1) Peptit chứa từ hai gốc aminoaxit trở lên cho phản ứng màu biure
- (2) Tơ tằm là polime được cấu tạo chủ yếu từ các gốc của glyxin và alanin
- (3) Ứng với công thức phân tử $\text{C}_2\text{H}_8\text{N}_2\text{O}_3$ có 3 CTCT dạng muối amoni
- (4) Khi cho propan-1,2-điamin tác dụng với NaNO_2/HCl thu được ancol đa chức
- (5) Tính bazơ của $\text{C}_6\text{H}_5\text{ONa}$ mạnh hơn tính bazơ của $\text{C}_2\text{H}_5\text{ONa}$
- (6) Các chất HCOOH , HCOONa , HCOOCH_3 đều tham gia phản ứng tráng gương

Số nhận định đúng là:

A. 4

B. 3

C. 5

D. 6

Câu 20: Cho các nhận xét sau:

- 1) Trong các phản ứng hóa học, oxi luôn thể hiện tính oxi hóa.
- 2) Các halogen không tác dụng với N_2 , O_2 .
- 3) Thu khí N_2 trong phòng thí nghiệm bằng phương pháp dời chỗ nước.
- 4) Trong công nghiệp có thể thu O_2 và N_2 bằng chưng cất phân đoạn không khí lỏng.
- 5) Có thể điều chế HCl , HBr , HI trong PTN bằng phương pháp sunphat.
- 6) Phân đạm Ure là phân bón trung tính và có hàm lượng đạm cao nhất trong các loại phân đạm hiện nay.
- 7) Nguyên liệu sản xuất H_2SO_4 trong công nghiệp là FeS_2 , S.
- 8) Than đá ở Quảng Ninh có chất lượng cao vì chủ yếu là than cốc.

Số nhận xét đúng là:

A. 7.

B. 5.

C. 4.

D. 6.

Câu 21: Trong số các dung dịch sau: (1) glucozơ, (2) 3-monoclopropan-1,2-điol (3MCPD), (3) etilenglicol, (4) KOH loãng, (5) tripeptit, (6) amoniac, (7) propan-1,3-điol. Số các dung dịch hoà tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ là

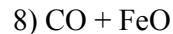
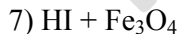
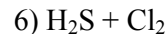
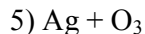
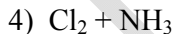
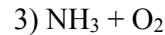
A. 4.

B. 3.

C. 6.

D. 5.

Câu 22: Cho các cặp chất sau tác dụng với nhau ở điều kiện nhiệt độ thích hợp:



Có bao nhiêu phản ứng tạo đơn chất là phi kim?

A. 6.

B. 5.

C. 4.

D. 7.

Câu 23 : Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Sục khí SO_2 vào dung dịch $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ trong H_2SO_4 loãng.
- (2) Sục khí SO_2 vào dung dịch HNO_3 đặc.
- (3) Sục khí SO_2 vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$.
- (4) Cho KMnO_4 vào dung dịch HCl đặc.
- (5) Cho SiO_2 vào dung dịch HF .

(6) Cho CrO_3 vào dung dịch NaOH .

Số thí nghiệm có phản ứng oxi hóa khử xảy ra là:

A.5 B.3 C.6 D.4

Câu 24 : Cho các cặp chất (ở trạng thái rắn hoặc dung dịch) phản ứng với nhau:

- | | |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| (1) $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2 + \text{H}_2\text{S}$ | (2) $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2 + \text{CuCl}_2$. |
| (3) $\text{H}_2\text{S} + \text{SO}_2$ | (4) $\text{FeS}_2 + \text{HCl}$. |
| (5) $\text{AlCl}_3 + \text{NH}_3$. | (6) $\text{NaAlO}_2 + \text{AlCl}_3$. |
| (7) $\text{FeS} + \text{HCl}$. | (8) $\text{Na}_2\text{SiO}_3 + \text{HCl}$ |
| (9) $\text{NaHCO}_3 + \text{Ba}(\text{OH})_2$ dung dịch | |

Số lượng các phản ứng tạo kết tủa là:

A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 25. Có 4 hợp chất hữu cơ công thức phân tử lần lượt là: CH_2O , CH_2O_2 , $\text{C}_2\text{H}_2\text{O}_3$ và $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_3$. Số chất vừa tác dụng với Na , vừa tác dụng với NaOH , vừa có phản ứng tráng gương là:

A. 1 B. 3 C. 4 D. 2

Câu 26. Thực hiện các thí nghiệm sau:

- Nung NH_4NO_3 rắn.
- Đun nóng NaCl tinh thể với dung dịch H_2SO_4 (đặc)
- Sục khí Cl_2 vào dung dịch NaHCO_3
- Sục khí CO_2 vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dung dịch
- Sục khí SO_2 vào dung dịch KMnO_4
- Cho dung dịch KHSO_4 vào dung dịch NaHCO_3
- Cho PbS vào dd HCl (loãng)
- Cho Na_2SO_3 vào dung dịch H_2SO_4 dư, đun nóng

Số thí nghiệm sinh ra chất khí là:

A.5 B.4 C.6 D.2

Câu 27. Cho luồng khí CO dư đi qua hỗn hợp BaO , Al_2O_3 và FeO đốt nóng thu được chất rắn X_1 . Hòa tan chất rắn X_1 thu được chất rắn Y_1 và chất rắn E_1 . Sục khí CO_2 dư vào dung dịch Y_1 thu được kết tủa F_1 . Hòa tan dung dịch E_1 vào dd NaOH dư thấy bị tan 1 phần và còn chất rắn G_1 . Cho G_1 vào dung dịch AgNO_3 dư (coi CO_2 không phản ứng với nước). Tổng số phản ứng xảy ra là:

A.7 B.6 C.8 D.9

Câu 28. Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ lần lượt vào các dung dịch:

CaCl_2 , $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$, NaOH , Na_2CO_3 , KHSO_4 , Na_2SO_4 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, H_2SO_4 , HCl . Số trường hợp có thể tạo nên kết tủa là:

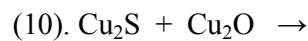
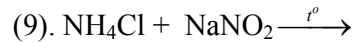
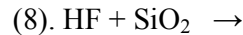
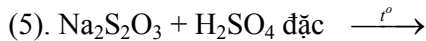
A.4 B.6 C.5 D.7

Câu 29: Có bao nhiêu loại khí có thể thu được khi cho các hóa chất sau đây phản ứng với nhau từng đôi một? Al , FeS , HCl , NaOH , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$:

A.2 B.3 C.4 D. 5

Câu 30: Cho các phản ứng:

- | | |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| (1). $\text{O}_3 + \text{dung dịch KI} \rightarrow$ | (6). $\text{F}_2 + \text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t^\circ} \rightarrow$ |
| (2). $\text{MnO}_2 + \text{HCl đặc} \xrightarrow{t^\circ} \rightarrow$ | (7). $\text{H}_2\text{S} + \text{dung dịch Cl}_2 \rightarrow$ |



Số trường hợp luôn tạo ra đơn chất là:

A. 7.

B. 9.

C. 6.

D. 8.

Câu 31: Thực hiện các thí nghiệm sau:

1. Cho Mg tác dụng với khí SO_2 nung nóng.
2. Sục khí H_2S vào dung dịch nước clo.
3. Sục khí SO_2 vào dung dịch nước brom.
4. Nhiệt phân hoàn toàn muối $\text{Sn}(\text{NO}_3)_2$.
5. Thổi oxi đi qua than đốt nóng đỏ.
6. Cho FeBr_2 vào dung dịch $\text{KMnO}_4/\text{H}_2\text{SO}_4$.
7. Sục khí clo vào dung dịch NaBr.
8. Nhiệt phân KClO_3 (xt: MnO_2).

Số thí nghiệm mà sản phẩm cuối cùng luôn có đơn chất là:

A. 1

B. 4

C. 2

D. 3

Câu 32: Cho các chất sau: H_2S , Fe, Cu, Al, Na_2O , dd $\text{Ca}(\text{OH})_2$, dd AgNO_3 , dd FeCl_3 , dd Br_2 , dung dịch NaHSO_4 . Số chất vừa tác dụng được với dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, vừa tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ là:

A. 5.

B. 4.

C. 6.

D. 3.

Câu 33: Cho các chất sau: anilin, alanin, mononatri glutamat, etyl amoni clorua, lysin, etyl axetat, phenyl axetat. Số chất vừa tác dụng với dung dịch NaOH loãng, nóng; vừa tác dụng với dung dịch HCl loãng, nóng là:

A. 4.

B. 3.

C. 5.

D. 2.

Câu 34: Thực hiện các phản ứng sau:

1. Sục CO_2 vào dung dịch Na_2SiO_3 .
2. Sục SO_2 vào dung dịch H_2S .
3. Cho dung dịch HCl vào dung dịch NaAlO_2 .
4. Cho dung dịch AlCl_3 vào dung dịch NH_3 .
5. Cho NaHSO_4 dư vào dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$.
6. Sục H_2S vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
7. Cho HI vào dung dịch FeCl_3 .
8. Sục khí clo vào dung dịch KI.

Số thí nghiệm luôn tạo thành kết tủa là:

A. 7.

B. 4.

C. 6.

D. 5.

Câu 35: Thực hiện các thí nghiệm sau:

1. Cho dung dịch FeI_2 tác dụng với dung dịch KMnO_4 trong môi trường H_2SO_4 .
2. Sục khí flo vào dung dịch NaOH rất loãng, lạnh.
3. Đốt khí metan trong khí clo.
4. Sục khí oxi vào dung dịch HBr.
5. Sục khí flo vào dung dịch NaCl ở nhiệt độ thường.

Số thí nghiệm mà sản phẩm cuối cùng luôn có đơn chất là:

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Câu 36: Cho các phát biểu sau :

- (1) Trong hợp chất với oxi, nitơ có cộng hóa trị cao nhất bằng V.
- (2) Trong các hợp chất, flo luôn có số oxi hóa bằng -1.
- (3) Lưu huỳnh trong hợp chất với kim loại luôn có số oxi hóa là -2.
- (4) Trong hợp chất, số oxi hóa của nguyên tố luôn khác không.
- (5) Trong hợp chất, một nguyên tố có thể có nhiều mức số oxi hóa khác nhau.
- (6) Trong một chu kỳ, theo chiều tăng điện tích hạt nhân, bán kính nguyên tử của các nguyên tố tăng dần.

Số phát biểu đúng là

A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 4.

Câu 37: Cho các phản ứng sau:

- (1) dung dịch Na_2CO_3 + dung dịch H_2SO_4 .
- (2) dung dịch Na_2CO_3 + dung dịch FeCl_3 .
- (3) dung dịch Na_2CO_3 + dung dịch CaCl_2 .
- (4) dung dịch NaHCO_3 + dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
- (5) dung dịch $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ + dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$.
- (6) dung dịch Na_2S + dung dịch AlCl_3 .

Số phản ứng tạo đồng thời cả kết tủa và khí bay ra là

A. 3.

B. 6.

C. 4.

D. 5.

Câu 38: Cho các phát biểu sau:

- (1) CaOCl_2 là muối kép.
- (2) Liên kết kim loại là liên kết được hình thành giữa các nguyên tử và ion kim loại trong mạng tinh thể do sự tham gia của các electron tự do.
- (3) Suphephotphat kép có thành phần chủ yếu là $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$.
- (4) Trong các HX (X: halogen) thì HF có tính axit yếu nhất.
- (5) Bón nhiều phân đạm amoni sẽ làm cho đất chua.
- (6) Kim loại có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là thủy ngân (Hg).
- (7) CO_2 là phân tử phân cực.

Số phát biểu đúng là

A. 7.

B. 4.

C. 6.

D. 5.

Câu 39. Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Sục O_3 vào dung dịch KI trong nước
- (2) Nhúng thanh Al vào dd HNO_3 đặc nguội
- (3) Đốt cháy Mg trong khí sunfuro
- (4) Cho $\text{Cu}(\text{OH})_2$ vào dd sorbitol
- (5) Cho andehit fomic tác dụng với phenol, H^+
- (6) Nung nóng quặng dolomit
- (7) Cho hơi nước qua than nóng đỏ
- (8) Sục khí CO_2 vào dd natriphenolat
- (9) Đun nóng hh NH_4Cl và NaNO_2
- (10) Nung nóng quặng apatit với SiO_2 và cacbon

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là:

A. 8

B. 9

C. 7

D. 10

Câu 40: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A. Natri etylat không phản ứng với nước.
- B. Dung dịch etylamin làm hồng phenolphtalein.

C. Toluen không làm mất màu dung dịch KMnO_4 ngay cả khi đun nóng.

D. Dung dịch natri phenolat làm quỳ tím hóa đỏ.

Câu 41: Trong các chất sau: tripanmitin, alanin, crezol, hidroquinon, cumen, phenol, poli(vinyl axetat), anbumin. Có bao nhiêu chất có phản ứng với dung dịch NaOH đun nóng ?

A. 6.

B. 4.

C. 8.

D. 7.

Câu 42: Cho Amoniac tác dụng với các chất sau: Khí Cl_2 , khí O_2 , dung dịch H_2SO_4 , CuO nung nóng, khí CO_2 , dung dịch AlCl_3 , dung dịch CuSO_4 , khí HCl . Số chất phản ứng là:

A. 6.

B. 7.

C. 8.

D. 5.

Câu 43: Thực hiện các thí nghiệm sau

(a) Cho ure vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$

(b) Cho P vào dung dịch HNO_3 đặc, nóng.

(c) Cho hơi nước đi qua than nung đỏ.

(d) Cho dung dịch AgNO_3 vào dung dịch Na_3PO_4 .

(e) Cho quặng apatit vào vào dung dịch H_2SO_4 đặc đun nóng.

(f) Sục khí Flo vào nước nóng.

Trong các thí nghiệm trên, số thí nghiệm xảy ra phản ứng là:

A. 6.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 44: Phản ứng không dùng để điều chế khí phù hợp trong phòng thí nghiệm là:

A. $\text{KMnO}_4 \xrightarrow{t^0}$

B. $\text{NaCl} + \text{H}_2\text{SO}_4 \text{ đặc} \xrightarrow{t^0}$

C. $\text{NH}_4\text{Cl} + \text{Ca}(\text{OH})_2 \xrightarrow{t^0}$

D. $\text{FeS}_2 + \text{O}_2 \rightarrow$

Câu 45: Tiến hành các thí nghiệm sau

(a) Sục khí axetilen vào dung dịch KMnO_4 loãng.

(b) Cho hơi ancol etylic đi qua bột CuO nung nóng.

(c) Sục khí etilen vào dung dịch Br_2 trong CCl_4 .

(d) Cho Buta-1,3-đien vào dung dịch AgNO_3 , trong NH_3 dư, đun nóng.

(e) Cho Na vào ancol etylic.

Trong các thí nghiệm trên, số thí nghiệm có xảy ra là

A. 2

B. 4

C. 3

D. 5.

Câu 46: Tiến hành các thí nghiệm sau:

(1) Cho dung dịch Na_2CO_3 vào dung dịch AlCl_3 .

(2) Sục khí H_2S vào dung dịch FeSO_4 .

(3) Sục khí CO_2 tới dư vào dung dịch NaAlO_2 (hoặc $\text{Na}[\text{Al}(\text{OH})_4]$).

(4) Sục khí NH_3 tới dư vào dung dịch $\text{Al}(\text{NO}_3)_3$.

(5) Sục khí H_2S vào dung dịch CuSO_4 .

(6) Cho dung dịch $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ vào dung dịch H_2SO_4 loãng.

Sau khi kết thúc các phản ứng, có bao nhiêu thí nghiệm thu được kết tủa?

A. 6.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 47: Cho các phát biểu sau:

(1) Andehit vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử.

(2) Các phân tử phenol không tạo liên kết hiđro liên phân tử.

(3) Xiclopropan không làm mất màu dung dịch KMnO_4 .

(4) Benzen không làm mất màu dung dịch brom.

(5) Natri fommat tham gia phản ứng tráng bạc.

Các phát biểu **đúng** là

A. (2), (4), (5). B. (1), (5). C. (1), (3), (5). D. (1), (3), (4), (5).

Câu 48: Trường hợp nào sau đây **không** xảy ra phản ứng hóa học?

A. Sục khí CO_2 vào dung dịch NaClO .

B. Cho kim loại Be vào H_2O .

C. Sục khí Cl_2 vào dung dịch FeSO_4 .

D. Cho kim loại Al vào dung dịch HNO_3 loãng, nguội.

Câu 49: Đốt cháy hoàn toàn một amin đơn chức, mạch hở **X** bằng một lượng không khí (chứa 20% thể tích O_2 , còn lại là N_2) vừa đủ, thu được 0,08 mol CO_2 ; 0,1 mol H_2O và 0,54 mol N_2 .

Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?

A. Số nguyên tử H trong phân tử **X** là 7.

B. Giữa các phân tử **X** không có liên kết hiđro liên phân tử.

C. **X** không phản ứng với HNO_2 .

D. Số đồng phân cấu tạo thỏa mãn điều kiện trên của **X** là 1.

Câu 50: Trong các thí nghiệm sau:

(1) Cho khí O_3 tác dụng với dung dịch KI.

(2) Nhiệt phân amoni nitrit.

(3) Cho NaClO_3 tác dụng với dung dịch HCl đặc.

(4) Cho khí H_2S tác dụng với dung dịch FeCl_3 .

(5) Cho khí NH_3 dư tác dụng với khí Cl_2 .

(6) Cho axit fomic tác dụng với H_2SO_4 đặc.

(7) Cho H_2SO_4 đặc vào dung dịch NaBr.

(8) Cho Al tác dụng với dung dịch NaOH.

(9) Cho CO_2 tác dụng với Mg ở nhiệt độ cao.

(10) Cho dung dịch $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ tác dụng với dung dịch H_2SO_4 (loãng).

Số thí nghiệm tạo ra đơn chất là

A. 7.

B. 9.

C. 6.

D. 8.